|  |  |
| --- | --- |
| **Tuần:**  **Tiết:** | **Chủ đề 2: MẬT ĐỘ DÂN SỐ**  Môn học/Hoạt động giáo dục: Môn toán; lớp 9  Thời gian thực hiện: 3 tiết |

**I. Mục tiêu:**

**1. Về kiến thức:**

- Hiểu được khái niệm về mật độ dân số và ý nghĩa của mật độ dân số.

- Biết cách tính toán mật độ dân số.

- Vận dụng kiến thức để giải quyết các bài toán liên quan đến mật độ dân số.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự chủ và tự học: HS quan sát hình ảnh và HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trình bày được kết quả thảo luận của nhóm, biết chia sẻ giúp đỡ bạn thực hiện nhiệm vụ học tập, biết tranh luận và bảo vệ ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực tư duy và lập luận toán học: Qua việc tính toán mật độ dân số và phân tích đánh giá mật độ dân số;

- Năng lực mô hình hoá toán học: Sử dụng được khái niệm và công thức tính mật độ dân số vào quá trình tính mật độ dân số của địa phương và một số quốc gia

trên thế giới;

- Năng lực giao tiếp toán học: Qua việc trình bày kết quả thảo luận nhóm và trao đổi ý kiến về vấn đề mật độ dân số;

- Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán: Sử dụng được các công cụ tính toán và vẽ biểu đồ để so sánh, đánh giá mật độ dân số của các địa phương và các quốc gia.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: Thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: Hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:**

**-** SGK toán 9 Cánh Diều trang 43 đến trang 45, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy tính, máy chiếu, video giới thiệu về mật độ dân số của các tỉnh thành của Việt Nam.

- Link video về mật độ dân số: <https://www.youtube.com/watch?v=QkdQRPMdhZ4>

**2. Học sinh:**

**-** SGK, thước thẳng, bảng nhóm, video về mật độ dân số một số tỉnh thành của Việt Nam; thông tin diện tích và dân số của xã, huyện, tỉnh.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu** (Khoảng: … phút)

**a) Mục tiêu:**

- Gợi động cơ vào bài học. Giúp học sinh mường tượng nội dung của bài học.

**b) Nội dung:**

- Tài liệu về sự phát triển dân số của một số tỉnh thành của Việt Nam.

- Link video về mật độ dân số: <https://www.youtube.com/watch?v=QkdQRPMdhZ4>

**c) Sản phẩm:**

- Hiểu được sự phát triển của dân số của Việt Nam và một số quốc gia trên thế giới.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV - HS** | **Tiến trình nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV: Yêu cầu học sinh quan sát, theo dõi video và chỉ ra một số ý nghĩa của việc thống kê dân số mà em biết?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, theo dõi video, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận**  -  hoặc  học sinh trả lời nội dung câu hỏi trên.  - HS cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS  Tóm lại một số ý nghĩa của việc thống kê dân số:  - Nắm được tình hình dân số sinh sống ở một vùng địa lí để tính toán lượng tài nguyên, đề xuất kế hoạch để tạo việc làm nhằm cải thiện đời sống tốt cho dân cư ở nơi có điều kiện kinh tế khó khăn mà mật độ dân số cao.  - Phân bổ dân cư hợp lí giữa các khu vực.  - Thực hiện việc quy hoạch các đô thị.  - GV đặt vấn đề vào bài mới: Qua quá trình quan sát và theo dõi video ở trên ta thấy được tầm quan trọng trong việc nghiên cứu dân số vì nó cung cấp thông tin về sự phân bố dân số, tải trọng dân số và ảnh hưởng của dân số đến môi trường và phát triển kinh tế. | Một số ý nghĩa của việc thống kê dân số:  - Giúp chúng ta hiểu về sự phân bố dân số và tải trọng dân số trên một khu vực cụ thể.  - Giúp tính toán được lượng tài nguyên cần sử dụng cho khu vực đó, cũng như có thể điều chỉnh, đề xuất kế hoạch để tạo việc làm, điều kiện sống tốt hơn cho cư dân ở những nơi có điều kiện kinh tế khó khăn mà mật độ dân số cao.  - Cung cấp thông tin quan trọng cho các nhà quản lý đô thị, nhà quy hoạch và chính phủ để họ có thể đưa ra các quyết định thông minh về quy hoạch đô thị, phân bổ tài nguyên và xây dựng cơ sở hạ tầng cũng như các chính sách xã hội. |

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức** (… phút)

**a) Mục tiêu:**

- Hiểu được khái niệm về mật độ dân số

- Biết cách tính toán mật độ dân số.

- Hiểu được ý nghĩa về mật độ dân số.

- Nêu được đánh giá của bản thân về mật độ dân số ở các khu vực.

- Giúp học sinh tính toán được mật độ dân số thông qua hoạt động nhóm.

- Nêu được nhận xét về mật độ dân số của Việt Nam so với các nước trên thế giới.

**b) Nội dung:**

- Giới thiệu về mật độ dân số

- Ý nghĩa của việc thống kê mật độ dân số.

- Củng cố lại cách tính mật độ dân số.

**c) Sản phẩm:**

- Biết cách tính toán mật độ dân số.

- Hiểu được ý nghĩa về mật độ dân số.

- Trình bày sơ đồ tư duy để củng cố kiến thức về mật độ dân số.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV - HS** | **Tiến trình nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân tìm hiểu nội dung phần 1 SGK – trang 43.  - HS nhớ được công thức tính mật độ dân số.  **Ví dụ - SGK - Trang 43**  Nhận xét của em về mật độ dân số của các khu vực đó?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu  học sinh lên bảng trả lời câu hỏi trên.  - Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS và chốt lại kiến thức trọng tâm. | **I. Nội dung chính của chủ đề**  **1. Giới thiệu về mật độ dân số**  - **Khái niệm mật độ dân số**: Mật độ dân số là số dân tính bình quân trên một kilômét vuông diện tích lãnh thổ.  Mật độ dân số có thể tính cho toàn quốc hoặc riêng cho từng vùng, từng tỉnh, từng huyện, từng xã,.. nhằm phản ánh tình hình phân bố dân số theo địa lí vào một thời gian nhất định.  - **Cách tính mật độ dân số**: Mật độ dân số được tính bằng cách chia dân số (thời điểm, bình quân) của một vùng dân cư nhất định cho diện tích lãnh thổ (đơn vị: ) của vùng đó.  - **Công thức tính**:    **Ví dụ - SGK - Trang 43**  - Mật độ dân số cao nhất thuộc về Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.  - Mật độ thấp nhất là Sơn La và Yên Bái.  - Kết Luận: Mật độ dân số tập trung chủ yếu tại các thành phố lớn. Ở khu vực miền núi mật độ dân số thấp. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Chia lớp thành  nhóm để thảo luận tìm ra các ý nghĩa của việc thống kê mật độ dân số.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS các nhóm suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu  học sinh đại diện cho các nhóm trả lời miệng nội dung câu hỏi trên.  - HS cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS.  - GV đánh giá, nhận xét thái độ hoạt động nhóm, kĩ năng diễn đạt của HS. | **2.Ý nghĩa của việc thống kê mật độ dân số**  Dữ liệu thống kê về mật độ dân số sẽ giúp cho mỗi quốc gia:  - Nắm được tình hình dân số sinh sống ở một vùng địa lí. Qua đó, có thể đáng giá dân số ở một vùng một cách khái quát nhất có thể, tính toán lượng tài nguyên cần sử dụng cho khu vực đó.  - Điều chỉnh, đề xuất kế hoạch để tạo việc làm, điều kiện sống tốt cho dân cư ở những nơi có điều kiện kinh tế khó khăn mà mật độ dân số cao.  - Tiến hành phân bố dân cư hợp lí giữa các khu vực, vùng địa lí để tạo điều kiện phát triển kinh tế.  - Thực hiện tốt việc quy hoạch các đô thị.  - Xây dựng các chính sách phù hợp với từng vùng. Nhằm cải thiện và nâng cao đời sống của người dân. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS trình bày sơ đồ tư duy đã chuẩn bị ở nhà do GV phân công từ tiết trước.  **\* HS thực hiện nhiệms vụ**  - HS chuẩn bị cho việc trình bày sơ đồ tư duy của nhóm.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS thuyết trình về bản sơ đồ tư duy.  - Các nhóm HS khác theo dõi lắng nghe và nhận xét và bổ sung (nếu cần).  **\* Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá về việc thực hiện nhiệm vụ của HS. | **Sơ đồ tư duy về mật độ dân số**  (có thể copy xuống) |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập** (Khoảng: … phút)

**a) Mục tiêu:**

- Tính được mật độ danh số ở một địa phương.

- Đánh giá được về mật độ dân số

- Tìm hiểu được mật độ dân số của  quận,  tỉnh (thành phố)

- Giúp học sinh tính toán được mật độ dân số thông qua hoạt động nhóm.

- Nêu được nhận xét về mật độ dân số của Việt Nam so với các nước trên thế giới.

- HS tự đánh giá về việc báo cáo các nội dung về mật độ dân số của từng nhóm.

**b) Nội dung:**

- Bài tập bổ sung về tính và nhận xét về mật độ dân số của một tỉnh, thành phố với các khu vực thành thị, nông thôn và miền núi.

- Thực hiện phần II sgk trang…

**-** Báo cáo và đánh giá sp các dự án của HS

**c) Sản phẩm:**

- Biết cách tính toán mật độ dân số.

- Biết so sánh và nhận xét về mật độ dân số với các khu vực thành thị, nông thôn và miền núi.

- Kết quả thu thập về mật độ dân số của  phường,  quận (huyện),  thành phố.

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV – HS** | **Tiến trình nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành  nhóm mỗi nhóm tính mật độ dân số của một khu vực.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS các nhóm suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu  HS đại diện cho  nhóm lên bảng trả lời câu hỏi trên.  - Nhóm khác nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét các câu trả lời của HS và chốt đáp án.  - Mật độ dân số tại các tỉnh khu vực miền núi nhỏ hơn mật độ dân số tại các tỉnh khu vực nông thôn và thành phố.  - Mật độ dân số lớn nhất tập trung ở khu vực thành phố.  - GV đánh giá, nhận xét thái độ hoạt động nhóm. | **Luyện tập:** Cho bảng tổng hợp diện tích và dân số của khu vực thành phố, nông thôn và miền núi thuộc tỉnh Hà Nam năm :   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | stt | Khu vực | Diện tích  () | Dân số  (người) | | 1 | TP Phủ Lý |  |  | | 2 | Thị xã  Duy Tiên |  |  | | 3 | Huyện  Kim Bảng |  |  |   *(nguồn: internet).*  a. Tính mật độ dân số của  khu vực trên? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).  b. Nhận xét của em về mật độ dân số của  khu vực đó?  **Lời giải**  a. Tính mật độ dân số của  khu vực trên? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).  - Mật độ dân số của TP Phủ Lý là:  (người/).  - Mật độ dân số của Thị Xã Duy Tiên là:  (người/).  - Mật độ dân số của Huyện Kim Bảng là:  (người/).  b. Nhận xét của em về mật độ dân số của  khu vực đó?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | stt | Khu vực | Mật độ dân số  (người/) | | 1 | TP Phủ Lý |  | | 2 | Thị Xã Duy Tiên |  | | 3 | Huyện Kim Bảng |  |   - Mật độ dân số tại các tỉnh khu vực miền núi nhỏ hơn mật độ dân số tại các tỉnh khu vực nông thôn và thành phố.  - Mật độ dân số lớn nhất tập trung ở khu vực thành phố. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - Gv chia lớp thành 3 nhóm, cử nhóm trưởng.  - Giao nhiệm vụ cho từng nhóm:  + Nhóm 1: Tìm hiểu mật độ dân số của  phường tthuộc quận Lê Chân, Hải Phòng năm 2019 thông qua người thân hoặc qua trang web của các đơn vị hành chính theo đường link dưới đây: https://thongkehaiphong.gov.vn/htct/b35.html  + Nhóm 2: Tìm hiểu mật độ dân số của  quận (huyện) thuộc thành phố Hải Phòng năm 2019 thông qua người thân hoặc qua trang web của các đơn vị hành chính theo đường link dưới đây:  https://thongkehaiphong.gov.vn/htct/b35.html  + Nhóm 3: Tìm hiểu mật độ dân số của  tỉnh (thành phố) của Việt Nam năm 2021 thông qua người thân hoặc qua trang web của các đơn vị hành chính theo đường link dưới đây:  https://mytour.vn/vi/blog/bai-viet/thong-ke-dien-tich-va-dan-so-tinh-thanh-viet-nam-moi-nhat-nam-2021.html  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS xác định nhiệm vụ của nhóm và của bản thân.  - Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.  - Xác định thời gian hoàn thành từng nhiệm vụ thành phần và nhiệm vụ chung.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Các nhóm báo cáo kết quả đã thu thập được.  **\* Kết luận, nhận định**  - GVđánh giá kết quả thu thập của các nhóm. | Nhóm 1: Bảng thống kê mật độ dân số của phường (xã) thuộc quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.  HS hoàn thiện theo mẫu phiếu (Phụ lục 1)  Nhóm 2:  Bảng thống kê mật độ dân số của  quận (huyện) thuộc thành phố Hải Phòng.  HS hoàn thiện theo mẫu phiếu (Phụ lục 2)  Nhóm 3  Bảng thống kê mật độ dân số  tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của Việt Nam  HS hoàn thiện theo mẫu phiếu (Phụ lục 3) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi tính mật độ dân số của  quốc gia trên thế giới thông qua người thân hoặc qua trang web của đơn vị hành chính theo đường link dưới đây: https://vi.wikipedia.org/wiki/Danh\_s%C3%A1ch\_qu%E1%BB%91c\_gia\_theo\_m%E1%BA%ADt\_%C4%91%E1%BB%99\_d%C3%A2n\_s%E1%BB%91  - Nêu nhận xét về mật độ dân số của Việt Nam so với các nước khác trên thế giới.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ theo nhóm  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả đã thu thập được.  - Nhận xét  - Cho HS đánh giá nhận xét rubic (phiếu đánh giá)  **\* Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá kết quả thu thập của HS, nhận xét và chốt cách tính mật độ dân số. | Mật độ dân số của  quốc gia trên thế giới. |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS của từng nhóm báo cáo về dự án của nhóm mình  từng nhóm HS tự đánh giá về nội dung báo cáo các nhóm khác.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - Các nhóm lên trình bày về dự án của nhóm mình.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS các nhóm khác đánh giá nhóm bạn theo mẫu phiếu  (phụ lục 1)  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét và đánh giá kết quả của hoạt động. | Nhóm 1: Báo cáo  Nhóm 2: Báo cáo  Nhóm 3: Báo cáo |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng** (Khoảng: …phút)

**a) Mục tiêu:**

- Vận dụng kiến thức để giải quyết các bài toán liên quan đến mật độ dân số.

- HS thống kê lại các số liệu về mật độ dân số của các quốc gia.

- HS giải quyết các bài tập thực tế về mật độ dân số.

**b) Nội dung:**

- Cho HS tính mật độ dân số xã HS đang ở và một số xã lân cận.

- Tra cứu trang web để lấy thông tin diện tích và dân số của xã hs đang ở: <https://vi.wikipedia.org/wiki/X%C3%A3_(Vi%E1%BB%87t_Nam)>

- Xem video mật độ dân số  tỉnh thành Việt Nam năm .

- Làm các bài tập về tính mật độ dân số và phân tích ảnh hưởng của mật độ dân số

- Giao về nhà thống kê và tính mật độ dân số các xã trong huyện mình, đánh giá so với huyện khác.

**c) Sản phẩm:**

- Tính được mật độ dân số ở địa phương.

- Lời giải của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

| **Hoạt động của GV - HS** | **Tiến trình nội dung** |
| --- | --- |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS tra cứu trang web để lấy thông tin diện tích và dân số của xã hs đang ở: <https://vi.wikipedia.org/wiki/X%C3%A3_(Vi%E1%BB%87t_Nam)>  (nguồn: internet).  a. Tính mật độ dân số của xã mà em đang ở và một số xã lân cận (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).  b. Nhận xét của em về mật độ dân số của xã em đang ở so với các xã lân cận?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS cá nhân suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - GV yêu cầu  học sinh tại chỗ trả lời câu hỏi.  - HS lên bảng trả lời câu hỏi.  - HS khác nhận xét, bổ sung (nếu cần).  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét các câu trả lời của học sinh và chốt đáp án. | **Vận dụng:**  Em hãy tra cứu trang web để lấy thông tin diện tích và dân số của xã em đang ở theo mẫu sau:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | stt | Xã | Diện tích  () | Dân số  (người) | | 1 |  |  |  | | 2 |  |  |  | | … |  |  |  |   Có thể tham khảo trang web sau: <https://vi.wikipedia.org/wiki/X%C3%A3_(Vi%E1%BB%87t_Nam)>  (nguồn: internet).  Sau đó hãy:  a. Tính mật độ dân số của xã mà em đang ở và một số xã lân cận (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).  b. Nhận xét của em về mật độ dân số của xã em đang ở so với các xã lân cận? |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 1** - GV cho HS xem video về xếp hạng mật độ dân số của tỉnh thành Việt Nam năm  theo link dưới đây https://youtu.be/QkdQRPMdhZ4?si=zOTLoeQvJ41kG3Xq  - Sau đó trả lời câu hỏi:  + Kể tên tỉnh có mật độ dân số thấp nhất và  tỉnh có mật độ dân số cao nhất của nước ta.  + Điểm chung của các tỉnh thành có mật độ dân số thấp là gì?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS cả lớp cùng xem video và ghi nhớ các thông tin về  tỉnh có mật độ dân số thấp nhất và  tỉnh có mật độ dân số cao nhất của nước ta.  **\* Báo cáo, thảo luận**  - Đại diện HS nêu ra  tỉnh thành có mật độ dân số thấp nhất nước ta.  Đại diện HS nêu ra  tỉnh thành có mật độ dân số cao nhất nước ta.  - HS khác nhận xét, bổ sung cho câu trả lời của hai bạn  **\* Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá kết việc ghi nhớ của HS, nhận xét và nhấn mạnh  tỉnh thành có mật độ dân số cao nhất và thấp nhất nước ta. | tỉnh thành có mật độ dân số thấp nhất là:  1. Lai Châu  2. Kon Tum  3. Điện Biên  4. Bắc Cạn  5. Cao Bằng  6. Sơn La  7. Lạng Sơn  8. Đắk Nông  9. Gia Lai  10. Hà Giang  Nguyên nhân (điểm chung)  - Vị trí địa lí (không giáp biển)  - Điều kiện tự nhiên (Giao thông khó khăn)  - Phụ thuộc vào nông nghiệp (trình độ phát triển kinh tế chênh lệch, diện tích lớn, dân số ít) |
| **\* GV giao nhiệm vụ học tập 2**  - GV yêu cầu HS cá nhân làm bài tập sau  **Bài 1:** Một thành phố A có diện tích là   và số dân là  người.  a)Tính mật độ dân số của thành phố A.  b) Cho biết mật độ dân số của một thành phố B là  (người/). Em hãy so sánh mật độ dân số của thành phố A và B.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS cá nhân làm các bài tập mà GV giao  **\* Báo cáo, thảo luận**  - HS lên bảng chữa bài.  - HS khác nhận xét, bổ sung  **\* Kết luận, nhận định**  - GV đánh giá kết quả hoạt động của HS. | **Bài 1:** Một thành phố A có diện tích là   và số dân là người.  a)Tính mật độ dân số của thành phố A.  b) Cho biết mật độ dân số của một thành phố B là  (người/). Em hãy so sánh mật độ dân số của thành phố A và B.  **Giải**  a)Tính mật độ dân số của thành phố A.  Mật độ dân số của thành phố A là:  (người/)  b) Cho biết mật độ dân số của một thành phố B là  (người/). Em hãy so sánh mật độ dân số của thành phố A và B.  Vì:  Nên mật độ dân số ở thành phố B nhỏ hơn mật độ dân số ở thành phố A.  Do đó cần có những chính sách điều chỉnh hợp lí giữa hai thành phố để đem lại điều kiện sống tốt hơn cho người dân tại hai thành phố đó. |

**\* Hướng dẫn tự học ở nhà** (2 phút)

- Ôn lại các kiến thức về mật độ dân số.

- Đề xuất giải pháp cho vấn đề quá tải dân số.

- Phân tích ảnh hưởng của mật độ dân số đến môi trường.

**Phụ lục 1:** PHIẾU ĐÁNH GIÁ MẬT ĐỘ DÂN SỐ

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Mức độ đánh giá | | | | | |
| Rất tốt | Tốt | Khá | Trung bình | Yếu | Kém |
| Nội dung báo cáo |  |  |  |  |  |  |
| Trình bày của báo cáo viên |  |  |  |  |  |  |
| Điểm số |  |  |  |  |  |  |